

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÌN HỒ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 8 năm 2023
“Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng A Măng, ông Phan Ngọc Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Thái - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Mùa Thị Gi sinh năm 1993 – *Có mặt*.

Địa chỉ: bản Sà Dề Ph, xã Sà Dề Ph, huyện Sìn H, tỉnh Lai Châu;

2. Bị đơn: anh Sùng A T, sinh năm 1992 - vắng mặt lần 2.

Địa chỉ: bản Sà Dề Ph, xã Sà Dề Ph, huyện Sìn H, tỉnh Lai Châu;

* Người phiên dịch: Ông Sùng A H - sinh năm 1992 – *Có mặt*

Địa chỉ: Khu 4 thị trấn Sìn H, huyện Sìn H, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mùa Thị Gi trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Sùng A T kết hôn ngày 26/8/2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Sà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã trong đời sống hàng ngày hiện đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Hiện không còn quan tâm đến nhau, hai vợ chồng được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thay đổi được. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tùng;

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu: Sùng Páo Nh – sinh ngày 29/4/2013 và cháu Sùng Thị L – sinh ngày 20/3/2015. Do hai con chung mong muốn

được ở với bố và đối với đề nghị của anh T về việc mong muốn nuôi cả hai con chung tại phiên tòa tôi cũng đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do tôi không có công việc ổn định, thu nhập của tôi một tháng chỉ khoảng 500.000 đồng nên tôi đề nghị miễn tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Vợ, chồng tôi không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Bị đơn anh Sùng A T: Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2023 bị đơn anh Tùng trình bày: Tôi và chị Mùa Thị Giàng là vợ chồng, chúng tôi tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân Sà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu vào ngày 26/8/2015. Đối với đề nghị ly hôn của chị Giàng tôi không đồng ý, nếu ly hôn tôi có nguyện vọng là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là cháu Sùng Páo Nh – sinh ngày 29/4/2013 và cháu Sùng Thị L – sinh ngày 20/3/2015. Tôi đề nghị chị G cấp dưỡng 01 triệu đồng/ tháng giúp tôi nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho người thân và niêm yết tại chính quyền địa phương về việc thụ lý vụ án của Tòa án và đơn khởi kiện của chị Mùa Thị Giàng (bản phô tô); Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa cho anh Sùng A Tùng nhưng anh không có mặt và chỉ đến Tòa án và lấy lời khai một lần, anh Tùng đã vắng mặt không có lý do tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn anh Sùng A Tùng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã lấy lời khai hai con chung của anh T và chị Gi: cháu Sùng Páo Nh – sinh ngày 29/4/2013 và cháu Sùng Thị L – sinh ngày 20/3/2015, các cháu trình bày nếu bố mẹ cháu ly hôn, hai cháu có nguyện vọng được ở với bố vì mẹ không quan tâm chăm sóc các cháu.

Quan điểm của đại diện VKSND huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu:

Về thủ tục Tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chị Mùa Thị Giàng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Sùng A Tùng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. *Về nội dung:* chị Giàng và anh Tùng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Sà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được nên mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Áp dụng khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc: Đề

ng nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Mùa Thị Gi, tuyên xử cho chị Gi được ly hôn với anh Sùng A T.

Về con chung: chị Mùa Thị Gi và anh Sùng A T có hai con chung là cháu Sùng Páo Nh và cháu Sùng Thị L, xét nguyện vọng của cả hai cháu mong muốn được ở với bố do mẹ không quan tâm nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại điều 58, điều 69, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cả hai cháu cho bố là anh Sùng A T chăm sóc, giáo dục, chị Giàng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị Giàng không có công việc ổn định và thu nhập hàng tháng rất thấp không có khả năng cấp dưỡng nên đề nghị không áp dụng cấp dưỡng đối với chị Mùa Thị Giàng. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với Nguyên đơn chị Mùa Thị Giàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: chị Mùa Thị Gi nộp đơn đề nghị về việc: “Ly hôn” tại Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đối với anh Sùng A T; địa chỉ: bản Sà Dề Phìn, xã Sà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. chị Giàng có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Mùa Thị Giàng sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Mùa Thị Giàng, theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ly hôn, giữa chị Mùa Thị Gi và anh Sùng A T đều cư trú tại bản Sà Dề Phìn, xã Sà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Bị đơn Anh Sùng A T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: chị Mùa Thị Gi và anh Sùng A T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định cả hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Gi giải quyết cho chị ly hôn với anh Sùng A T.

Về con chung: chị Mùa Thị Gi và anh Sùng A T có hai con chung là cháu Sùng Páo Nh và cháu Sùng Thị L, xét ý kiến của chị Gi, anh T, xét nguyện vọng của cả hai cháu: Giao cả hai cháu cho bố là anh Sùng A T chăm sóc, giáo dục, chị Gi có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị Gi không có công việc ổn định và thu nhập hàng tháng rất thấp không có khả năng cấp dưỡng nên đề nghị không áp dụng cấp dưỡng đối với chị Mùa Thị Gi.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện VKS huyện Sìn Hồ tại phiên Tòa là có cơ sở pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về Án phí: Chị Mùa Thị Gi có nơi thường trú tại bản Sà Dề Phìn, xã Sà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu thuộc khu vực III bản đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị Mùa Thị Giàng được miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 60, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mùa Thị Gi. Về quan hệ hôn nhân chị Mùa Thị Gi được ly hôn với anh Sùng A T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Sùng Páo Nh – sinh ngày 29/4/2013 và cháu Sùng Thị L – sinh ngày 20/3/2015 cho anh Sùng A T chăm sóc, giáo dục. Chị Mùa Thị Gi có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con không áp dụng cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Mùa Thị Giàng do chị có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai vợ chồng không đề nghị nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: chị Mùa Thị Gi được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện, thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: chị Mùa Thị Giàng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Sùng A Tùng vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- UBND xã Sà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA